

Số: 02 /2020/QĐST - KDTM

Diễn Châu, ngày 14 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST - KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số A đường Đ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc T – chức vụ chuyên viên cấp 1 Trung tâm xử lý nợ tại miền Trung, trực thuộc ban QL&XLN CVD. Theo giấy ủy quyền số 386/UQ-TGD ngày 29/10/2019 của tổng giám đốc ngân hàng SHB

Địa chỉ: Tòa nhà T số A, đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Xóm Y, xã DN, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

Ông Trần Văn S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B theo giấy ủy quyền ngày 30/12/2019

2. Sự thoả thuận của các đương cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ phải trả:

Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo hai hợp đồng tín dụng cụ thể:

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 353/2017/HĐTDNH-CN/SHB120203 ngày 24/08/2017 và khế ước nhận nợ số 01/353/2017/HĐTDNH-CN/SHB.120203 ngày 24/8/2017 số tiền gốc là 300.000.000đ, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 58.058.720 đồng, lãi quá hạn là 22.344.975 đồng tính đến ngày 31/12/2019. Tổng cả gốc và lãi là 380.403.695 đồng (ba trăm tám mươi triệu bốn trăm lẻ ba nghìn sáu trăm chín lăm đồng).

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 440/2017/HĐTDNH-CN/SHB120203 ngày 12/10/2017 và khế ước nhận nợ số 01/440/2017/HĐTDNH-CN/SHB120203 ngày 12/10/2017 số tiền gốc là 400.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 76.253.076, tiền lãi quá hạn là 26.956.603 đồng tính đến ngày 31/12/2019. Tổng cả gốc và lãi là 503.209.679 đồng (năm trăm lẻ ba triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bảy chín đồng)

Tổng số tiền gốc và lãi phải trả của cả hai hợp đồng tín dụng là 883.631.374 đồng (tám trăm tám ba triệu sáu trăm ba một nghìn ba trăm bảy tư đồng) tính đến ngày 31/12/2019.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 31 tháng 12 năm 2019 ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngắn hạn số số 353/2017/HĐTDNH-CN/SHB120203 ngày 24/08/2017 và khế ước nhận nợ số 01/353/2017/HĐTDNH-CN/SHB.120203 ngày 24/8/2017. Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 440/2017/HĐTDNH-CN/SHB120203 ngày 12/10/2017 và khế ước nhận nợ số 01/440/2017/HĐTDNH-CN/SHB120203 ngày 12/10/2017.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2.2 Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị B không trả đầy đủ toàn bộ số nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu chi cục thi hành án kê biên xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 2 có diện tích theo GCNQSDĐ là 200 m² đất ở và 67 m² đất vườn. Nay là thửa đất số 316 tờ bản đồ địa chính số 08 có diện tích theo xem xét thẩm định tài sản thực tế là 163,1 m², tại xóm Y, xã

DN, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 228843 do UBND huyện DC cấp ngày 18/06/2004 thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị B đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 607/2014/HĐTC-CN/SHB.120203 ngày 14/11/2014. Văn bản bổ sung sửa đổi số 01/2015/VBBS ngày 05/11/2015. Văn bản bổ sung sửa đổi hợp đồng thế chấp số 01/607/2014/HĐTC-CN/SHB.120203 ngày 07/10/2016. Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số PL01/2017-607/2014/HĐTC-CN/SHB.120203. Văn bản bổ sung sửa đổi hợp đồng thế chấp số PL02/2017-607/2014/HĐTC-CN/SHB.120203 ngày 12/10/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị B tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ.

2.3 Về án phí: Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị B thỏa chịu 19.672.000đ (mười chín triệu sáu trăm bảy hai nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng S số tiền 18.288.000đ (mười tám triệu hai trăm tám tám nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0004861 ngày 16/12/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Diễn Châu
- THA Diễn Châu
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự
- Lưu HS,VP

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm